

Số: 49/QĐ-VKS

Đồng Nai, ngày 03 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu
tư vấn chuẩn bị đầu tư Dự án sửa chữa Viện kiểm sát nhân dân
Khu vực 2 - tỉnh Đồng Nai**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/6/2020 về việc Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;



Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-VKSTC ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc Phê duyệt danh mục và dự toán công trình sửa chữa trụ sở làm việc của các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-VKSTC ngày 03/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ủy quyền cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh danh mục và dự toán kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-VKSTC ngày 09/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phân cấp phê duyệt nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và nhiệm vụ sửa chữa cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định 98/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-VKS ngày 01/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt điều chỉnh danh mục và dự toán công trình sửa chữa trụ sở làm việc năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 45/TTr-TGV ngày 31/11/2025 của Tổ giúp việc cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc đề nghị phê duyệt dự toán và

kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn chuẩn bị đầu tư công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán các gói thầu tư vấn chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - tỉnh Đồng Nai với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - tỉnh Đồng Nai.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Cấp quyết định đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

5. Chủ đầu tư: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

6. Tổng mức đầu tư: 1.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương năm 2025 (Kinh phí bảo trì, sửa chữa).

8. Địa điểm xây dựng: xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

9. Đơn vị lập dự toán chuẩn bị đầu tư: Tổ giúp việc.

10. Nội dung công việc thực hiện:

10.1. Nhiệm vụ lập hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Xác định đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, bảo đảm đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình.

10.2. Dự toán chuẩn bị đầu tư: (*Có bảng dự toán chi phí đầu tư kèm theo*).

- Xác định chi phí tư vấn lập hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Xác định chi phí tư vấn thẩm tra hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Xác định chi phí tư vấn quản lý dự án.

11. Giá trị dự toán: 90.396.873 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng*).

Trong đó:



- Chi phí tư vấn lập hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ 56.181.858 đồng
thuật:

- Chi phí tư vấn thẩm tra hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ 4.429.987 đồng
thuật:

- Chi phí tư vấn quản lý dự án: 29.785.028 đồng

12. Thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư: Quý 4/2025

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - tỉnh Đồng Nai (Có bảng kế hoạch lựa chọn thầu chi tiết kèm theo).

Điều 3: Tổ giúp việc cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. *./TC*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VKSTC- Cục 3 (để báo cáo);
- BLĐ VKSND tỉnh (để biết);
- Trang website VKSND tỉnh;
- Bảng thông báo điện tử;
- Lưu: VT, VP.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Hân
Nguyễn Quốc Hân

[illegible]

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ

Dự án: Sửa chữa Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKS ngày tháng năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcp _{xd}			785.760.245	78.576.025	864.336.270
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công	G _{xd}		G _{xd} .1+ G _{xd} .2	785.760.245	78.576.025	864.336.270
	+ HÀNG MỤC: NHÀ LÀM VIỆC	G _{xd} .1			757.227.325	75.722.733	832.950.058
	+ CÔNG. HÀNG RÀO	G _{xd} .2			28.532.920	2.853.292	31.386.212
3	Chi phí quản lý dự án	G _{qlđ}	3,446 %	3,446% x (G _{xd})	27.077.298	2.707.730	29.785.028
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G _{tư}		G _{tư} 1 : G _{tư} 4	80.913.901	8.091.390	89.005.291
4.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	G _{tư} 1	6,500 %	6,5% x (G _{xd})	51.074.416	5.107.442	56.181.858
4.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	G _{tư} 2	0,258 %	0,258% x G _{xd}	2.027.261	202.726	2.229.987
4.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình : 2.000.000 (đ)	G _{tư} 3	0,250 %		2.000.000	200.000	2.200.000
4.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	G _{tư} 4	3,285 %	3,285% x G _{xd}	25.812.224	2.581.222	28.393.446
5	Chi phí khác	G _k		G _k 1 : G _k 2	15.290.460	959.401	16.249.861
5.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	G _k 1	0,570 %		5.696.446		5.696.446
5.2	Chi phí kiểm toán độc lập	G _k 2	0,960 %		9.594.014	959.401	10.553.415
6	Chi phí dự phòng	G _{dự}		G _{dự} 1	566.864	56.686	623.550
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	G _{dự} 1	0,062 %	0,0623939% x (G _{cpxd} +G _{qlđ} +G _{tư} +G _k)	566.864	56.686	623.550
	TỔNG CỘNG				909.608.767	90.391.233	1.000.000.000

Bảng chữ: Một tỷ đồng chẵn./.